

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP XANH BẮC KẠN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP XANH BẮC KẠN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BK GREEN STEEL., JSC

Tên công ty viết tắt: BKGS.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 4700291175

3. Ngày thành lập: 09/08/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 2, ngõ 154, đường Phùng Chí Kiên, Phường Phùng Chí Kiên, Thành phố Bắc Kạn,
Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

Điện thoại: 0975893886

Fax:

Email: thepxanhbackan@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Loại trừ đấu giá hàng hóa	4610
3.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
4.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng miếng)	4662
5.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
6.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
7.	Khai thác dầu thô	0610
8.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
9.	Khai thác quặng sắt	0710
10.	Đào tạo sơ cấp	8531
11.	Đào tạo trung cấp	8532
12.	Đào tạo cao đẳng	8533
13.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
14.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
15.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221

16.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
17.	Cho thuê xe có động cơ	7710
18.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
19.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt Chi tiết: Khai thác quặng nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, mangan, crôm, niken, coban, molybden, tantali, vanadi.	0722
20.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
21.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
22.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
23.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
25.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920

26.	Sản xuất hoá chất cơ bản (Loại trừ: - Chiết xuất etan, metan, butan, propan được phân vào nhóm 06200 (Khai thác khí đốt tự nhiên); - Sản xuất ga nhiên liệu như etan, butan hoặc propan trong nhà máy lọc dầu mỏ được phân vào nhóm 19200 (Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế); - Sản xuất phân đạm và hợp chất ni tơ được phân vào nhóm 20120 (Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ); - Sản xuất amoni được phân vào nhóm 20120 (Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ); - Sản xuất amoni clorua được phân vào nhóm 20120 (Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ); - Sản xuất ni tơ và kali nitorát được phân vào nhóm 20120 (Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ); - Sản xuất amoni cacbonat được phân vào nhóm 20120 (Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ); - Sản xuất nhựa nguyên sinh được phân vào nhóm 2013 (Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh); - Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh được phân vào nhóm 2013 (Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh); - Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh được phân vào nhóm 2013 (Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh); - Sản xuất thuốc nhuộm được phân vào nhóm 2022 (Sản xuất sơn, vecni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và matít); - Sản xuất glyxerin thô được phân vào nhóm 2023 (Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh); - Sản xuất tinh dầu tự nhiên được phân vào nhóm 20290 (Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu); - Sản xuất nước chưng cất được phân vào nhóm 20290 (Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu); - Sản xuất salixilic và ô-axít axetyl salicilic được phân vào nhóm 2100 (Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu)).	2011
27.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ (Loại trừ: - Khai thác phân chim được phân vào nhóm 08910 (Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón); - Sản xuất sản phẩm hoá học nông nghiệp, như thuốc trừ sâu được phân vào nhóm 20210 (Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp); - Sản xuất phân trộn được phân vào nhóm 38210 (Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại)).	2012

28.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp (Loại trừ: Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ được phân vào nhóm 20120 (Sản xuất phân bón và hợp chất nito)).	2021
29.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
30.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ: - Sản xuất sản phẩm hoá chất với khối lượng lớn được phân vào nhóm 20110 (Sản xuất hoá chất cơ bản); - Sản xuất nước chưng cất được phân vào nhóm 20110 (Sản xuất hoá chất cơ bản); - Sản xuất các sản phẩm hương liệu tổng hợp được phân vào nhóm 20110 (Sản xuất hoá chất cơ bản) - Sản xuất mực in được phân vào nhóm 2022 (Sản xuất sơn, véc vi và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít); - Sản xuất nước hoa và nước vệ sinh được phân vào nhóm 2023 (Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh); - Sản xuất chất kết dính từ nhựa đường được phân vào nhóm 23990 (Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu)).	2029
31.	Sản xuất sợi nhân tạo (Loại trừ: - Quay sợi tổng hợp hoặc nhân tạo được phân vào nhóm 13110 (Sản xuất sợi); - Sản xuất chỉ từ sợi nhân tạo được phân vào nhóm 13110 (Sản xuất sợi)).	2030
32.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410(Chính)
33.	Đúc sắt, thép	2431
34.	Đúc kim loại màu	2432
35.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
36.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
37.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
38.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
39.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
40.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9 –NĐ số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 về điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)	4933

41.	Vận tải đường ống Chi tiết: Vận tải khí, khí hóa lỏng, xăng dầu, nước, chất lỏng khác, bùn than và những hàng hoá khác qua đường ống.	4940
42.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)	5210
43.	Bốc xếp hàng hóa	5224
44.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
45.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không và hoa tiêu)	5229
46.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
47.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
48.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
49.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
50.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
51.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
52.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
53.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
54.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
55.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530

6. Vốn điều lệ: 30.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM VIỆT NAM	Tầng 6 Tòa nhà Việt Á, Số 9 Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.500.0 00	15.000.000.000	50,000	0101914063	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.500.0 00	15.000.000.000	50,000		
2	TRẦN CHI PHƯƠNG	Tổ 13, Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	600.000	6.000.000.000	20,000	0331690091 79	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	600.000	6.000.000.000	20,000		

3	NGUYỄN MẠNH LONG	Tổ 12, Phường Phan Đình Phùng, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	600.000	6.000.000.000	20,000	0190710098 96
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	600.000	6.000.000.000	20,000	
4	NGUYỄN XUÂN LIÊU	Tổ 82B, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	10,000	0400500002 88
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	10,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN XUÂN DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 25/10/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001079022888

Ngày cấp: 04/05/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: *Tổ 82B, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Tổ 82B, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Kạn